

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Hương.
- Bà Bùi Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 051195011977.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1993; Căn cước công dân số: 051093017210.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn T – sinh năm 1965 và bà Võ Thị C – sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ (nay là phường S), tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị Kim N, anh Nguyễn Tấn V, ông Nguyễn T, bà Võ Thị C đều vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn V có tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn số 105/2014, quyển số 01/2014 ngày 10/7/2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc khoảng được 02 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về mọi mặt dẫn đến vợ chồng không thể sống chung với nhau; anh V hay mượn men rượu để chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng chị sống không ai quan tâm đến ai từ tháng 9/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2014 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày 02/7/2021. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu P cho chị chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu P1 cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có những tài sản chung cụ thể sau đây: Vợ chồng chị xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi của ba má chồng cho vợ chồng chị, về phần đất thì vợ chồng chị chưa làm thủ tục tách thửa, về giá trị ngôi nhà là 120.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 4.000.000 đồng; 01 máy điều hòa trị giá 7.000.000 đồng; 01 Tivi trị giá 4.000.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 8.000.000 đồng; 01 xe máy loại SH, có biển số kiểm soát 76H1-39092 giá trị 50.000.000 đồng; 01 chiếc xe đạp điện giá trị 10.000.000 đồng.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nhận các tài sản là 01 tủ lạnh, 01 máy điều hòa, 01 tivi, 01 máy giặt, 01 xe đạp điện; $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là 60.000.000 đồng. Giao chiếc xe máy biển kiểm soát 76H1-390-92 cho anh V.

Về nợ chung: Chị N khai chị và anh V không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/6/2025, chị N rút yêu cầu về việc chia tài sản là giá trị ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 120.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu này. Các nội dung khởi kiện khác thì chị N vẫn giữ nguyên.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2025, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Kim N có đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp ngày 10/07/2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 người con. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, chồng làm nghề biển, vợ chồng không cùng quan điểm sống. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, nên anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con: Nguyễn Gia P1, sinh ngày 02/07/2021 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2014. Anh V thống nhất để cháu P cho chị N nuôi; anh nuôi cháu P1.

Về tài sản chung: Về ngôi nhà trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P là của cha mẹ anh đứng tên là ông Nguyễn T và bà Võ Thị C, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên hai vợ chồng anh không có liên quan gì đến thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P và có nhà cấp 4 trên thửa đất trên.

Từ khi vợ chồng anh về ở chỉ có tài sản chung là: 01 tủ lạnh, 01 máy điều hòa, 01 máy giặt, 01 tivi, 01 chiếc xe đạp, 01 xe máy SH mang biển kiểm soát: 76H1-39092. Nay anh thống nhất để lại cho chị N là tài sản gồm có: 01 tủ lạnh, 01 máy điều hòa, 01 máy giặt, 01 tivi, 01 chiếc xe đạp. Còn riêng anh chỉ lấy chiếc xe máy SH mang biển kiểm soát: 76H1-39092. Tổng tài sản của 2 vợ chồng đã sắm thì giờ chia ra như anh đã trình bày. Anh không đề nghị Tòa án phải tính tiền chênh lệch.

Về nợ chung: Anh V khai anh và chị N không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C trình bày:

Đối với ngôi nhà trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27 phường P là tài sản của vợ chồng bà chứ không phải tài sản chung của vợ chồng chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Tấn V. Cụ thể như sau:

Thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27 phường P là thửa đất thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng bà, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2006. Năm 1996 vợ chồng bà xây dựng ngôi nhà cấp 4 để ở. Sau khi con trai Nguyễn Tấn V và con dâu Trần Thị Kim N kết hôn mà không có nhà ở, vợ chồng bà thống nhất cho căn nhà nói trên cho vợ chồng con trai ở tạm, chỉ trao đổi bằng miệng không có giấy tờ gì. Đến năm 2017 theo nguyện vọng của con bà mong muốn sửa chữa lại ngôi nhà để ở cho rộng thoải mái hơn. Vợ chồng bà không ý kiến gì về việc coi nói sửa chữa nhà ở. Hạng mục sửa chữa như sau: Mặt trước xây cao thêm tường, phía sau nhà có coi nói thêm diện tích sàn khoảng $3m \times 5m = 15m^2$. Kinh phí sửa chữa do vợ chồng Nguyễn Tấn V và Trần Thị Kim N tự bỏ ra.

Vợ chồng bà chưa có ý định tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở có trên đất cho vợ chồng Nguyễn Tấn V và Trần Thị Kim N. Chính vì vậy, vợ chồng xin trình bày ý kiến để Tòa án xem xét đối với ngôi nhà nêu trên là tài sản của vợ chồng bà làm ra. Riêng phần vợ chồng Nguyễn Tấn V và Trần Thị Kim N sửa chữa, coi nói năm 2017, nếu không ly hôn thì cứ tiếp tục ở, khi nào cần thì vợ chồng bà báo trước để hoàn trả để phân chia đều cho các con, còn chấp nhận ly hôn thì yêu cầu chị Trần Thị Kim N tháo gỡ các hạng mục đã xây dựng, trả lại hiện trạng ngôi nhà cũ cho vợ chồng bà.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/6/2025, bà có ý kiến như sau: Việc nguyên đơn không yêu cầu chia giá trị

ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, thì bà thống nhất. Bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến trình B:

Do nguyên đơn Trần Thị Kim N đã rút yêu cầu liên quan đến việc chia giá trị ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi của vợ chồng ông, nên vợ chồng ông không còn liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia giá trị ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ (nay là phường S), tỉnh Quảng Ngãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung và chia các tài sản chung còn lại.

Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, tất cả các đương sự đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là giá trị của ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ (nay là phường S), tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung này của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Tấn V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/7/2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, được một thời gian sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh V; anh V cũng đồng ý ly hôn với chị N. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng anh V không đến Tòa án để làm việc, nên không thể hòa giải được. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của chị N, anh V đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung:

Chị N và anh V có 02 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2014 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày 02/7/2021. Khi ly hôn, chị N và anh V đều đồng ý thống nhất giao cháu P cho chị N và giao cháu P1 cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị N và giao cháu P1 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung:

Chị N và anh V xác định vợ chồng có các tài sản chung sau: 01 Tủ lạnh trị giá 4.000.000 đồng; 01 Máy điều hòa trị giá 7.000.000 đồng; 01 Tivi trị giá 4.000.000 đồng; 01 Máy giặt trị giá 8.000.000 đồng; 01 Xe máy loại SH, có biển số kiểm soát 76H1-390-92 trị giá 50.000.000 đồng; 01 Xe đạp điện trị giá 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nhận các tài sản là Tủ lạnh, Máy điều hòa, Tivi, Máy giặt, Xe đạp điện, còn Xe máy nhãn hiệu SH thì giao cho anh V. Anh V cũng có ý kiến trình bày về số tài sản và phương thức phân chia tài sản giống với ý kiến của chị N như trên. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị N được quyền sở hữu các tài sản trong nhà, bao gồm: 01 Tủ lạnh, 01 Máy điều hòa, 01 Tivi, 01 Máy giặt, 01 Xe đạp điện có giá trị tổng cộng là 33.000.000 đồng; giao cho anh V được quyền sở hữu 01 Xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH MODE có biển kiểm soát: 76H1-39092, có giá trị 50.000.000 đồng.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh V khai anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm:

[6.1] Chị N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; đồng thời, chị N được chia tài sản chung có tổng giá trị là 33.000.000 đồng, nên chị N phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung số tiền $(33.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.650.000 \text{ đồng}$; tổng cộng là 1.950.000 đồng, được khấu trừ vào 2.838.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000917 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Quảng Ngãi). Hoàn trả cho chị N số tiền 888.000 đồng còn lại.

[6.2] Anh V được chia tài sản chung có giá trị 50.000.000 đồng, nên anh V phải chịu $(50.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 2.500.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự chia tài sản chung.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, các Điều 217, 218, 227, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 28, 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2014 cho chị Trần Thị Kim N và giao cháu Nguyễn Gia P1, sinh ngày 02/7/2021 cho anh Nguyễn Tấn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị Trần Thị Kim N được quyền sở hữu đối với các tài sản trong nhà, bao gồm: 01 Tủ lạnh, 01 Máy điều hòa, 01 Tivi, 01 Máy giặt, 01 chiếc Xe đạp điện.

Giao cho anh Nguyễn Tấn V được quyền sở hữu đối với 01 chiếc Xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH MODE, có biển kiểm soát: 76H1-39092.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Tấn V trình bày anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung là giá trị của ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 27, phường P, thị xã Đ (nay là phường S), tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản chung này.

6. Về án phí sơ thẩm:

6.1. Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự chia tài sản chung, tổng cộng là 1.950.000 đồng, được khấu trừ vào 2.838.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000917 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Quảng Ngãi). Hoàn trả cho chị N số tiền 888.000 đồng (*Tám trăm tám mươi tám ngàn đồng*) còn lại.

6.2. Anh Nguyễn Tấn V phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự chia tài sản chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND phường Sa Huỳnh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Kiệt